QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Luật số: /2026/QH15	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO
25/02/2026

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HẢI QUAN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan số 54/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 71/2014/QH13, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 07/2022/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 9, 27, 28 và 29 Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

"3. *Cơ chế một cửa quốc gia* là việc cho phép người khai hải quan gửi thông tin, chứng từ ***dưới dạng thông điệp dữ liệu*** để thực hiện thủ tục hải quan và thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước ***có*** liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, ***quá cảnh; hành khách và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh*** thông qua một hệ thống thông tin tích hợp. Cơ quan quản lý nhà nước quyết định cho phép hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; ***hành khách, phương tiện vận tải được xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.*** Cơ quan hải quan quyết định thông quan, giải phóng hàng hóa trên hệ thống thông tin tích hợp."

b) Bãi bỏ khoản 9 Điều 4.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 4

PA1. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 4 như sau:

"*Kho ngoại quan là khu vực kho, bãi lưu giữ hàng hóa ~~đã làm thủ tục hải quan được gửi để chờ xuất khẩu; hàng hóa từ nước ngoài đưa vào gửi để chờ xuất khẩu ra nước ngoài hoặc~~* ***,*** *nhập khẩu ~~vào Việt Nam~~*.".

PA2. Giữ nguyên như hiện hành.

d) Bổ sung khoản 27 Điều 4 như sau:

"***27. Kiểm định hải quan là hoạt động nghiệp vụ Hải quan, sử dụng phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin và biện pháp nghiệp vụ kỹ thuật để kiểm tra, đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật, xác định bản chất hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu****.".*

đ) Bổ sung khoản 28 Điều 4 như sau:

"28. Quản lý tuân thủ là việc cơ quan hải quan quản lý hồ sơ người khai hải quan, theo dõi, đánh giá phân loại mức độ tuân thủ pháp luật về hải quan và áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp nhằm khuyến khích, hỗ trợ tuân thủ tự nguyện; áp dụng chế độ ưu tiên, miễn, giảm kiểm tra, giám sát hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và các hoạt động khác có liên quan của người khai hải quan tuân thủ tốt pháp luật, tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các trường hợp không tuân thủ.".

e) Bổ sung khoản 29 Điều 4 như sau:

"29. Sản xuất xuất khẩu là hoạt động gia công, sản xuất, ~~lắp ráp,~~ chế xuất từ nguyên liệu, vật tư, linh kiện có nguồn gốc trong nước hoặc nước ngoài để tạo ra hàng hóa nhằm mục đích xuất khẩu.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 7 như sau:

*"a) Khu vực cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế; cảng biển, cảng thủy nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; khu vực đang lưu giữ hàng hóa chịu sự giám sát hải quan, khu chế xuất, khu vực ưu đãi hải quan; các địa điểm làm thủ tục hải quan, kho ngoại quan, ~~kho bảo thuế,~~ bưu điện quốc tế, trụ sở người khai hải quan khi kiểm tra sau thông quan **hoặc khi kiểm soát hải quan**; các địa điểm kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong lãnh thổ hải quan;".*

3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 14.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 như sau:

*"2. Kiểm tra, giám sát hải quan được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro, **quản lý tuân thủ** nhằm bảo đảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về hải quan và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.".*

5. Bổ sung Điều 16a như sau:

*"**Điều 16a. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử***

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.

2. Chủ kho ngoại quan, doanh nghiệp vận chuyển hoặc đại lý của doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại

điện tử phải cung cấp thông tin vận chuyển, thông tin xuất kho ngoại quan cho cơ quan hải quan.

3. Tổ chức, cá nhân tại Việt Nam khi mua hàng, bán hàng qua biên giới qua nền tảng thương mại điện tử phải thực hiện xác thực định danh điện tử theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".

6. Bổ sung Điều 16b như sau:

"Điều 16b. Kiểm định hải quan trong hoạt động nghiệp vụ hải quan

1. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm định hải quan trong quá trình thực hiện kiểm tra hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Việc kiểm tra tiêu chí, tiêu chuẩn kỹ thuật, xác định bản chất hàng hóa làm cơ sở phân loại hàng hóa, thực hiện chính sách quản lý hàng hóa và các quy định khác của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

"*Điều 17. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan*

1. Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định ~~việc~~ kiểm tra, giám sát hải quan ~~đối với hàng hóa, phương tiện vận tải; hỗ trợ hoạt động phòng, chống buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.~~ ***kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh***.

*2. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm****:*** *~~việc~~ thu thập, xử lý thông tin hải quan; xây dựng ~~tiêu chí và tổ chức đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan~~,* ***áp dụng tiêu chí, thực hiện các biện pháp, kỹ thuật nghiệp vụ quản lý rủi ro để đánh giá*** *phân loại mức độ rủi ro* ***đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và các đối tượng có liên quan;*** *tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý hải quan phù hợp* ***theo mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật quy định tại Điều 17a Luật này***.

3. Cơ quan hải quan quản lý~~, ứng dụng~~ hệ thống thông tin nghiệp vụ ~~để tự động tích hợp, xử lý dữ liệu phục vụ việc áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.~~ ***, ứng dụng công nghệ số để tích hợp, xử lý, thông tin, dữ liệu; tự động đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan; đánh giá phân loại, phát hiện, cảnh báo rủi ro và quyết định kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác.***

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định ~~tiêu chí đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro và việc áp dụng~~ ***cụ thể nội dung*** *quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan* ***tại Điều này****.".*

8. Bổ sung Điều 17a như sau:

*"**Điều 17a. Quản lý tuân thủ trong quản lý hải quan***

1. Cơ quan hải quan áp dụng quản lý tuân thủ nhằm khuyến khích, hỗ trợ người khai hải quan nâng cao ý thức, năng lực tuân thủ và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

2. Quản lý tuân thủ trong quản lý hải quan, bao gồm: thu thập, xử lý thông tin, xây dựng, quản lý hồ sơ người khai hải quan; xây dựng, áp dụng tiêu chí, đánh giá phân loại mức độ tuân thủ pháp luật của người khai hải quan; thực hiện các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ người khai hải quan tuân thủ tự nguyện; áp dụng chế độ ưu tiên, miễn, giảm kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và các hoạt động khác có liên quan của người khai hải quan tuân thủ tốt pháp luật, tăng cường biện pháp quản lý đối với các trường hợp không tuân thủ.

3. Cơ quan hải quan quản lý hệ thống thông tin nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ số để tự động tích hợp, xử lý dữ liệu, đánh giá phân loại mức độ tuân thủ pháp luật, hỗ trợ người khai hải quan nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật và áp dụng quản lý tuân thủ trong quản lý hải quan.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung quản lý tuân thủ trong quản lý hải quan tại Điều này.".

9. Bổ sung thêm khoản 4 Điều 18:

PA1. Bổ sung thêm khoản 4 Điều 18 như sau:

"***4. Người khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ, trừ trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.***".

PA2. Giữ nguyên như hiện hành.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

"***Điều 20. Đại lý làm thủ tục hải quan***

~~*1. Điều kiện là đại lý làm thủ tục hải quan:*~~

~~*a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa hoặc đại lý làm thủ tục hải quan;*~~

~~*b) Có nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;*~~

~~*c) Có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện để thực hiện khai hải quan điện tử và các điều kiện khác theo quy định.*~~

~~*2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan là công dân Việt Nam đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:*~~

~~*a) Có trình độ cao đẳng kinh tế, luật, kỹ thuật trở lên;*~~

~~*b) Có chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;*~~

~~*c) Được cơ quan hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.*~~

~~*3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định việc công nhận, tạm dừng, chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan; cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.*~~

~~*4. Đại lý làm thủ tục hải quan và nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan quy định tại Điều 18 của Luật này.*~~

~~*5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.*~~

1. Đại lý làm thủ tục hải quan là doanh nghiệp được thành lập và đang hoạt động theo quy định của pháp luật, có ít nhất 02 nhân viên có đủ tiêu chuẩn là nhân viên khai hải quan làm việc toàn thời gian tại doanh nghiệp; thực hiện thủ tục hải quan theo thỏa thuận với chủ hàng hóa; có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện thực hiện thủ tục hải quan điện tử và đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của Chính phủ.

2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan là công dân Việt Nam; có chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; Được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan và đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của Chính phủ.

3. Chính phủ quy định chi tiết tiêu chuẩn đối với đại lý làm thủ tục hải quan, người khai hải quan quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý hoạt động của Đại lý làm thủ tục hải quan, người khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.".

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

*"**Điều 24. Hồ sơ hải quan***

1. Hồ sơ hải quan gồm:

a) Tờ khai hải quan hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan;

b) Chứng từ có liên quan.

Tùy từng trường hợp, người khai hải quan phải nộp hoặc xuất trình hợp đồng mua bán hàng hóa, hóa đơn thương mại, chứng từ vận tải, chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết

quả kiểm tra hoặc miễn kiểm tra chuyên ngành, các chứng từ liên quan đến hàng hóa theo quy định của pháp luật có liên quan.

*2. **Tờ khai hải quan, các** chứng từ thuộc hồ sơ hải quan là chứng từ giấy hoặc chứng từ **dưới dạng thông điệp dữ liệu**. **Chứng từ hải quan dưới dạng thông điệp dữ liệu** phải bảo đảm tính toàn vẹn và khuôn dạng theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.*

*3. Hồ sơ hải quan được nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan tại trụ sở cơ quan hải quan **hoặc thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan**.*

4. Trường hợp áp dụng Cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra, miễn kiểm tra chuyên ngành dưới dạng thông điệp dữ liệu thông qua hệ thống thông tin tích hợp. Chính phủ quy định chi tiết việc áp dụng Cơ chế một cửa quốc gia.

*~~4~~ **5**. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu tờ khai hải quan, việc sử dụng tờ khai hải quan và chứng từ thay thế tờ khai hải quan, các trường hợp phải nộp, xuất trình chứng từ có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này.".*

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 29 như sau:

"*4. Người khai hải quan ~~xác định có sai sót trong việc khai bổ sung~~ được thực hiện khai bổ sung trong các trường hợp sau đây:*

*a) Đối với hàng hóa đang làm thủ tục hải quan: trước thời điểm cơ quan hải quan thông báo việc kiểm tra ~~trực tiếp hồ sơ~~ hải quan**.***

*b) Đối với hàng hóa đã được thông quan: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan và trước thời điểm ~~cơ quan hải quan~~ **dừng đưa hàng qua khu vực giám sát,** quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra, **kiểm tra.** ~~trừ trường hợp nội dung khai bổ sung liên quan đến giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; kiểm tra chuyên ngành về chất lượng hàng hóa, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm.~~*

*c) Người khai hải quan thực hiện khai bổ sung khi quá thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản này **hoặc thực hiện khai bổ sung theo yêu cầu của cơ quan hải quan hoặc khai bổ sung liên quan đến giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; kiểm tra chuyên ngành về chất lượng hàng hóa, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm thì** xử lý theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;".*

d) Các trường hợp khai bổ sung khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Bổ sung khoản 4a Điều 29 như sau:

"4a. Người khai hải quan không được khai bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều này trong trường hợp cơ quan điều tra yêu cầu không được khai bổ sung hồ sơ hải quan để phục vụ điều tra vụ án.".

c) Bổ sung khoản 7 Điều 29 như sau:

"7. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này".

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

"Điều 32. Kiểm tra hồ sơ hải quan

1. *Khi kiểm tra hồ sơ hải quan, cơ quan hải quan kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, sự phù hợp của nội dung khai hải quan với chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, kiểm tra việc tuân thủ chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu****, quá cảnh*** *và quy định khác của pháp luật có liên quan.*

2. Việc *kiểm tra hồ sơ hải quan được thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc trực tiếp bởi công chức hải quan.*

a) Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động tiếp nhận, phân tích, đối chiếu và đánh giá nội dung khai hải quan với thông tin, dữ liệu trên các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan và các thông tin, dữ liệu khác có liên quan.

b) Công chức hải quan trực tiếp kiểm tra hồ sơ hải quan đối với các trường hợp hệ thống không đáp ứng tự động kiểm tra dữ liệu quy định tại điểm a khoản này.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc kiểm tra hồ sơ hải quan tại Điều này.".

14. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 33.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

*"2. Hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành phải được lưu giữ tại cửa khẩu****, kho, bãi, địa điểm được cơ quan hải quan công nhận đủ điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan và chịu sự giám sát của cơ quan hải quan*** *cho đến khi được thông quan,* ***trừ trường hợp hàng hóa đặc thù thực hiện lưu giữ theo quy định của Chính phủ.***

Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành nhưng phải lưu giữ tại các địa điểm khác để đảm bảo điều kiện bảo quản hàng hóa thì phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hàng hóa thuộc Danh mục do Bộ, ngành quản lý chuyên ngành ban hành;

b) Người khai hải quan đã nộp thuế hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế trên cơ sở tự kê khai, tính thuế của người khai hải quan;

c) *Địa điểm lưu giữ hàng hóa phải đáp ứng điều kiện về giám sát hải quan và hàng hóa đó chịu sự giám sát của cơ quan hải quan cho đến khi được thông quan.* ***Trừ trường hợp, địa điểm lưu giữ hàng hóa do cơ quan kiểm tra chuyên ngành chỉ định.***

Chủ hàng hóa chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ hàng hóa tại địa điểm lưu giữ ngoài cửa khẩu để kiểm tra chuyên ngành ~~hoặc địa điểm lưu giữ của chủ hàng hóa~~ cho đến khi cơ quan hải quan quyết định thông quan.

Chính phủ quy định chi tiết điều kiện giám sát hải quan đối với các địa điểm lưu giữ hàng hóa, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc giám sát hàng hóa lưu giữ tại các địa điểm này.*".*

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 58 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

"Đối với hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đó ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền, ***doanh nghiệp kinh doanh kho bãi cảng chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy, cơ quan hải quan*** *~~chủ trì~~****, phối hợp*** *~~với doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi, chính quyền địa phương và~~ cơ quan* ***có*** *liên quan thực hiện* ***giám sát việc*** *tiêu hủy* ***theo quy định.****".*

b) Bổ sung khoản 7 như sau:

"***7. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng trong địa bàn hoạt động hải quan***.".

17. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Mục 4 như sau:

"Mục 4. KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU ĐỂ ~~GIA CÔNG,~~ SẢN XUẤT ~~HÀNG HÓA~~ XUẤT KHẨU".

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 như sau:

"Điều 59. Trách nhiệm của cơ quan hải quan trong kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu để ~~gia công~~, sản xuất ~~hàng hóa~~ xuất khẩu

1. Hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để ~~gia công,~~ sản xuất ~~hàng hóa~~ xuất khẩu phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan từ khi nhập

khẩu, trong quá trình sản xuất ra sản phẩm cho đến khi sản phẩm được xuất khẩu hoặc thay đổi mục đích sử dụng.

2. Cơ sở sản xuất để thực hiện sản xuất xuất khẩu, nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu phải đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan.

3. ~~2~~. Cơ quan hải quan có trách nhiệm:

*a) Kiểm tra cơ sở ~~gia công,~~ sản xuất; **nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu;** năng lực ~~gia công,~~ sản xuất của tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện để ~~gia công,~~ sản xuất ~~hàng hóa~~ xuất khẩu;*

b) Kiểm tra việc sử dụng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu trong quá trình ~~gia công,~~ sản xuất ~~hàng hóa~~ xuất khẩu, kiểm tra số lượng hàng hóa tồn kho của tổ chức, cá nhân ~~gia công,~~ sản xuất ~~hàng hóa~~ xuất khẩu;

c) Kiểm tra việc quyết toán, quản lý, sử dụng nguyên liệu, vật tư, linh kiện của tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện để sản xuất~~, gia công hàng hóa~~ xuất khẩu.

4. ~~3~~. Việc kiểm tra, giám sát hải quan quy định tại Điều này thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 60 như sau:

*“**Điều 60. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân ~~gia công,~~ sản xuất ~~hàng hóa~~ xuất khẩu***

1. Thông báo cơ sở ~~gia công,~~ sản xuất ~~hàng hóa~~ xuất khẩu với cơ quan hải quan.

*2. Sử dụng nguyên liệu, vật tư, **linh kiện** nhập khẩu vào mục đích ~~gia công,~~ sản xuất ~~hàng hóa~~ xuất khẩu. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng thì phải làm thủ tục hải quan theo quy định của Luật này.*

3. Lưu giữ hàng hóa xuất khẩu, nguyên liệu, vật tư, linh kiện sử dụng để ~~gia công,~~ sản xuất ~~hàng hóa~~ xuất khẩu trong khu vực sản xuất; trường hợp lưu giữ ngoài khu vực sản xuất phải được sự đồng ý của cơ quan hải quan.

*4. Thực hiện đầy đủ chế độ quản lý, kế toán, thống kê, lưu giữ chứng từ, sổ sách, số liệu hàng hóa đưa vào, đưa ra cơ sở ~~gia công~~, sản xuất; **nơi lưu giữ nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu, sản phẩm xuất khẩu;** xuất trình sổ sách, chứng từ, hàng hóa khi cơ quan hải quan kiểm tra.*

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

20. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Mục 5 như sau:

“Mục 5. KIỂM TRA, GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA TẠI KHO NGOẠI QUAN, ~~KHO BẢO THUẾ~~, ĐỊA ĐIỂM THU GOM HÀNG LẺ, ***ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH HÀNG MIỄN THUẾ ”.***

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 61 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 61 như sau:

“*1. Hàng hóa gửi kho ngoại quan được lưu giữ trong thời gian không quá 12 tháng kể từ ngày được gửi vào kho; trường hợp có lý do chính đáng thì được ~~Cục trưởng Cục Hải quan~~* ***cơ quan hải quan*** *đang quản lý kho ngoại quan gia hạn một lần không quá 12 tháng”.*

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 61.

c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 61 như sau:

“3. Hàng hóa được đưa vào địa điểm thu gom hàng lẻ gồm hàng hóa nhập khẩu chưa làm thủ tục hải quan, hàng hóa xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục hải quan hoặc đã đăng ký tờ khai hải quan nhưng việc kiểm tra thực tế hàng hóa sẽ được thực hiện tại địa điểm thu gom hàng lẻ.

Hàng hóa được lưu giữ tại địa điểm thu gom hàng lẻ trong thời gian không quá 90 ngày kể từ ngày được đưa vào địa điểm tho gom hàng lẻ; trường hợp có lý do chính đáng thì được ~~Chi cục trưởng Chi cục Hải quan~~ ***cơ quan hải quan*** *đang quản lý địa điểm thu gom hàng lẻ gia hạn một lần không quá 90 ngày*”

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 62 như sau:

“Điều 62. Điều kiện thành lập kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ, ~~kho bảo thuế~~, địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, ***địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu***

1. Kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ được thành lập tại ***các*** *địa bàn ~~nơi có các khu vực~~ sau đây:*

a) ***Trong*** *cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa, cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế,* ***khu thương mại tự do;***

b) ***Trong*** *khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu phi thuế quan,* ***khu vực được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nằm trong quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics*** *và các khu vực khác theo quy định của pháp luật.*

2. ~~Kho bảo thuế được thành lập trong khu vực nhà máy của doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu~~. ***Địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế được được thành lập tại các địa bàn sau đây:***

a) Trong khu vực cách ly của cửa khẩu đường bộ quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển; trong khu vực cách ly và khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng quốc tế;

b) Trong nội địa; khu thương mại tự do.

~~3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định thành lập, gia hạn thời gian hoạt động, tạm dừng và chấm dứt hoạt động kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ.~~

3. ~~*4.*~~ *Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của kho ngoại quan,* ~~*kho bảo thuế,*~~ *địa điểm thu gom hàng lẻ,* ***địa điểm kinh doanh hàng miễn thuế, địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.”.***

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 63 như sau:

“*Điều 63. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ, chủ hàng hóa,* ~~***chủ kho bảo thuế***~~

1. Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, chủ hàng hóa gửi kho ngoại quan có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan được thực hiện hợp đồng nhận hàng hóa gửi kho ngoại quan; được di chuyển hàng hóa trong kho ngoại quan theo thỏa thuận với chủ hàng hóa.

Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan có trách nhiệm thực hiện yêu cầu kiểm tra hàng hóa của cơ quan hải quan. ~~*Định kỳ 03 tháng một lần, doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan phải thông báo bằng văn bản với Cục Hải quan đang quản lý kho ngoại quan về hiện trạng hàng hóa và tình hình hoạt động của kho ngoại quan;*~~

b) Chủ hàng hóa được gia cố bao bì, phân loại hàng hóa, lấy mẫu hàng hóa và thực hiện các công việc khác dưới sự giám sát của công chức hải quan; được chuyển quyền sở hữu hàng hóa. Hàng hóa vận chuyển từ kho ngoại quan này sang kho ngoại quan khác phải ~~*được sự đồng ý bằng văn bản của Cục trưởng Cục Hải quan đang quản lý kho ngoại quan nơi lưu giữ hàng hóa đó*~~ ***làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.***

~~*2. Chủ kho bảo thuế có quyền và nghĩa vụ sau đây:*~~

~~*a) Lưu giữ hàng hóa là nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu;*~~

~~*b) Được sắp xếp, đóng gói lại, di chuyển hàng hóa trong kho bảo thuế;*~~

~~*c) Thông báo trước cho cơ quan hải quan kế hoạch dự kiến đưa nguyên liệu, vật tư trong kho bảo thuế vào sản xuất;*~~

~~*d) Định kỳ 03 tháng một lần, thông báo bằng văn bản với Cục Hải quan quản lý kho bảo thuế về hiện trạng hàng hóa và tình hình hoạt động của kho bảo thuế;*~~

~~*đ) Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hàng năm, phải lập bảng tổng hợp các tờ khai hải quan nhập khẩu và số lượng nguyên liệu, vật tư đã đưa vào kho bảo thuế, tổng hợp các tờ khai hải quan xuất khẩu và số lượng hàng hóa đã xuất khẩu trong năm trước đó gửi Cục Hải quan đang quản lý kho bảo thuế.*~~

2. ~~*3.*~~ *Chủ hàng hóa, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ có quyền và nghĩa vụ sau đây:*

a) Chủ hàng hóa được chuyển quyền sở hữu hàng hóa, đóng gói, đóng gói lại, gia cố, sửa chữa, bảo quản hàng hóa;

b) Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ được chia tách, đóng ghép các lô hàng của nhiều chủ hàng hóa vận chuyển chung trong một công-te-nơ, sắp xếp, sắp xếp lại hàng hóa lưu giữ;

~~*c) Định kỳ 03 tháng một lần, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ phải thông báo bằng văn bản với Cục Hải quan đang quản lý địa điểm thu gom hàng lẻ về hiện trạng hàng hóa và tình hình hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ.*~~

3. ~~*4.*~~ *Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ*~~*, chủ kho bảo thuế*~~ *có trách nhiệm thực hiện chế độ kế toán, thống kê, trang bị phương tiện, thiết bị kỹ thuật quản lý hàng hóa bằng phương thức điện tử và nối mạng với cơ quan hải quan để thực hiện việc kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của Luật này.*

4. ~~*5.*~~ *Doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, doanh nghiệp kinh doanh địa điểm thu gom hàng lẻ, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thu gom hàng lẻ,* ~~*chủ kho bảo thuế*~~ *chủ hàng hóa có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật về hoạt động của kho ngoại quan,* ~~*kho bảo thuế,*~~ *địa điểm thu gom hàng lẻ.”.*

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 64 như sau:

“1. *Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan bao gồm hàng hóa quá cảnh****, trung chuyển*** *và hàng hóa chuyển cửa khẩu.”*

25. Sửa đổi, bổ sung Điều 65 như sau:

“*Điều 65. Tuyến đường, thời gian vận chuyển*

1. Hàng hóa ***vận chuyển*** ~~*đang*~~ *chịu sự giám sát hải quan phải được vận chuyển đúng tuyến đường, đúng cửa khẩu, đúng thời hạn.*

~~*2. Tuyến đường vận chuyển hàng hóa quá cảnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.*~~

~~*3.*~~ ***2.*** *Tuyến đường vận chuyển hàng hóa* ***vận*** *chuyển* ~~*cửa khẩu*~~ ***chịu sự giám sát hải quan*** *do người khai hải quan đăng ký và được cơ quan hải quan nơi tiếp nhận và xử lý hồ sơ chấp nhận*.".

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 73 như sau:

"*3. Các quy định về việc tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ quy định tại Luật này không áp dụng đối với hàng hóa viện trợ nhân đạo, tài sản di chuyển, hàng hóa được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ, hành lý, quà biếu, quà tặng trong tiêu chuẩn miễn thuế và* ~~*hàng hóa quá cảnh*~~ ***hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang có tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ.****".*

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 74 như sau:

"*Điều 74. Thủ tục đề nghị kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan*

1. Thủ tục đề nghị kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ

a) *Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền hợp pháp nộp hồ sơ đề nghị cơ quan hải quan kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ; nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí tại Chi cục Hải quan khu vực nơi thuận tiện.*

b) Thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ là 02 năm kể từ ngày cơ quan hải quan chấp nhận yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Thời hạn này có thể được gia hạn thêm 02 năm nhưng không được quá thời hạn bảo hộ đối tượng quyền sở hữu trí tuệ có liên quan theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ.

c) Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cơ quan hải quan kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hoá có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, Chi cục Hải quan khu vực phải thông báo cho chủ thể quyền hoặc người được uỷ quyền hợp pháp về việc chấp nhận, bổ sung thay từ chối đơn.

2. Thủ tục tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

a) Trong thời gian áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa có liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, nếu phát hiện lô hàng có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Đội trưởng Hải quan nơi đăng ký tờ khai

hải quan thông báo ngay cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp biết.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan hải quan, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp không có đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan thì cơ quan hải quan tiếp tục làm thủ tục hải quan theo quy định.

c) Trường hợp chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nhưng chưa có đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hải quan thì cơ quan hải quan quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan nếu đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 và điểm d khoản này.

d) Trường hợp đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp có đơn đề nghị tạm dừng, đồng thời nộp khoản tiền hoặc có bảo lãnh của tổ chức tín dụng bằng 20% trị giá lô hàng theo giá ghi trong hợp đồng hoặc tối thiểu 20 triệu đồng nếu chưa biết rõ trị giá lô hàng nghi ngờ xâm phạm để bồi thường thiệt hại và thanh toán các khoản chi phí phát sinh bao gồm phí lưu kho, bãi, xếp dỡ, bảo quản hàng hóa cho chủ hàng theo quy định của pháp luật do việc đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng.

đ) Chậm nhất 02 giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị tạm dừng, Đội trưởng Hải quan nơi đăng ký tờ khai ra quyết định tạm dừng hoặc từ chối trong đó nêu rõ lý do và thông báo cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp.

e) Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan hải quan ra quyết định. Trong trường hợp chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp có lý do chính đáng thì thời hạn này có thể kéo dài, nhưng không quá 20 ngày làm việc với điều kiện chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp phải nộp thêm khoản tiền bảo đảm hoặc chứng từ bảo lãnh quy định tại điểm d khoản này.

g) Kết thúc thời hạn tạm dừng, nếu chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp không khởi kiện dân sự và cơ quan hải quan không quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tục xử lý vi phạm hành chính thì cơ quan hải quan tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng.

Trường hợp chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp rút đơn đề nghị tạm dừng và cơ quan hải quan không quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tục xử lý vi phạm hành chính trước khi kết thúc thời hạn tạm dừng thì cơ quan hải quan tiếp tục làm thủ tục hải quan ngay cho lô hàng.

h) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan hải quan hoàn trả các khoản tiền bảo đảm cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp sau khi chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán các chi phí và thiệt hại phát sinh theo quyết

định của cơ quan hải quan hoặc cơ quan có thẩm quyền.

3. Trường hợp cơ quan hải quan có cơ sở nghi ngờ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bị giả mạo về sở hữu trí tuệ thì Đội trưởng Hải quan nơi làm thủ tục hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định và thông báo cho người khai hải quan, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp biết.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục, thẩm quyền kiểm tra, giám sát và tạm dừng làm thủ tục hải quan

28. Bãi bỏ Điều 75, 76.

29. Sửa đổi, bổ sung Điều 77 như sau:

"Điều 77. Kiểm tra sau thông quan

1. Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan.

***2.** Việc kiểm tra sau thông quan nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan; đánh giá **và nâng cao** việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan.*

***3.** Kiểm tra sau thông quan được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan, trụ sở người khai hải quan.*

*Trụ sở người khai hải quan bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi lưu giữ hàng hóa **theo quy định của pháp luật liên quan***

***4. Kiểm tra sau thông quan được thực hiện trong phạm vi tối đa là** 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan **đến ngày ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan**.*

***5. Kiểm tra sau thông quan được thực hiện trên cơ sở hiện đại hóa và áp dụng quản lý rủi ro.**".*

30. Sửa đổi Điều 79 như sau:

"***Điều 79. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan, thời hạn kiểm tra sau thông quan***

1. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan

a) Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc.

b) Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực quyết định kiểm tra sau thông quan trong địa bàn quản lý của Chi cục.

Trường hợp kiểm tra người khai hải quan không thuộc phạm vi địa bàn quản lý được phân công, Chi cục Hải quan khu vực báo cáo Cục Hải quan xem xét phân công đơn vị thực hiện kiểm tra.

Việc kiểm tra đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan thực hiện theo kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm do Cục trưởng Cục Hải quan ban hành.

2. Thời hạn kiểm tra sau thông quan

Thời hạn kiểm tra sau thông quan được xác định trong quyết định kiểm tra, nhưng tối đa là 20 ngày. Thời hạn kiểm tra được tính từ ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 20 ngày.”.

31. Sửa đổi, bổ sung Điều 80 như sau:

“~~Điều 80. Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan~~

~~1. Thẩm quyền quyết định kiểm tra sau thông quan:~~

~~a) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong phạm vi toàn quốc;~~

~~b) Cục trưởng Cục Hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan trong địa bàn quản lý của Cục.~~

~~Trường hợp kiểm tra doanh nghiệp không thuộc phạm vi địa bàn quản lý được phân công, Cục Hải quan báo cáo Tổng cục Hải quan xem xét phân công đơn vị thực hiện kiểm tra.~~

~~Việc kiểm tra đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan thực hiện theo kế hoạch kiểm tra sau thông quan hàng năm do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.~~

~~2. Thời hạn kiểm tra sau thông quan:~~

~~a) Thời hạn kiểm tra sau thông quan được xác định trong quyết định kiểm tra, nhưng tối đa là 10 ngày làm việc. Thời gian kiểm tra được tính từ ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra; trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người đã ký quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 10 ngày làm việc;~~

~~b) Quyết định kiểm tra sau thông quan phải gửi cho người khai hải quan trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành kiểm tra, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Luật này.~~

~~3. Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan:~~

~~a) Công bố quyết định kiểm tra sau thông quan khi bắt đầu tiến hành kiểm tra;~~

~~b) Đối chiếu nội dung khai báo với sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, các tài liệu có liên quan, tình trạng thực tế của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong phạm vi, nội dung của quyết định kiểm tra sau thông quan;~~

~~c) Lập biên bản kiểm tra sau thông quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra;~~

~~d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, người quyết định kiểm tra phải ký kết luận kiểm tra và gửi cho người khai hải quan. Trường hợp kết luận kiểm tra cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền thì thời hạn ký kết luận kiểm tra được tính từ ngày có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền. Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan;~~

~~đ) Xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền xử lý theo kết quả kiểm tra.~~

~~4. Trường hợp người khai hải quan không chấp hành quyết định kiểm tra, không giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu đúng thời hạn cho cơ quan hải quan thì cơ quan hải quan căn cứ hồ sơ, tài liệu đã thu thập, xác minh để quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc thực hiện thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật.~~

Điều 80. Trình tự, thủ tục kiểm tra sau thông quan

1. Chuẩn bị kiểm tra sau thông quan

2. Tiến hành kiểm tra sau thông quan

3. Xử lý kết quả kiểm tra sau thông quan

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

32. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 81 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên Điều 81 như sau:

“Điều 81. Nhiệm vụ và quyền hạn của công chức hải quan trong kiểm tra sau thông quan ~~tại trụ sở người khai hải quan~~”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 81 như sau:

*1. **Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực** có nhiệm vụ, quyền hạn sau:*

a) Ban hành quyết định kiểm tra, thành lập Đoàn kiểm tra;

*b) Gia hạn ~~thời gian kiểm tra trong trường hợp cần thiết~~**, sửa đổi, tạm dừng, hủy quyết định kiểm tra**;*

c) Ban hành kết luận kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra; quyết định xử lý theo quy định của pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.".

33. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 82 như sau:

"5. Yêu cầu Trưởng đoàn kiểm tra xuất trình quyết định kiểm tra, giấy chứng minh hải quan trong trường hợp kiểm tra sau thông quan ~~tại trụ sở người khai hải quan.~~".

34. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 86 như sau:

*"2. Trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu là giá bán **thực tế** của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất khẩu, không bao gồm chi phí vận tải quốc tế và chi phí bảo hiểm quốc tế (nếu có).".*

35. Bổ sung Điều 86a như sau:

"Điều 86a. Tỷ giá

1. Tỷ giá là căn cứ để tính thuế và thống kê đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Tỷ giá giữa đồng tiền Việt Nam với đồng tiền nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm tính thuế.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".

Điều 2. Sửa đổi, thay thế một số cụm từ tại Luật Hải quan

1. Thay thế cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan" thành "Cục trưởng Cục Hải quan" tại khoản 2 Điều 13; điểm c và g khoản 3 Điều 22; khoản 1 Điều 44; khoản 3 Điều 57.

2. Thay thế cụm từ "Tổng cục Hải quan" thành "Cục Hải quan" tại điểm a khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 84, khoản 3 Điều 94; khoản 1 và 3 Điều 97; Điều 98.

3. Thay thế cụm từ "Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương", "Cục Hải quan" thành "Chi cục Hải quan khu vực" tại điểm b khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 22; khoản 1 Điều 90.

4. Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan", "Chi cục Hải quan cửa khẩu" thành "Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu" tại khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 22; khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47.

5. Thay thế cụm từ "Chi cục Hải quan, Đội Kiểm soát Hải quan và đơn vị tương đương." thành "Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu" tại điểm c khoản 1 Điều 14.

6. Thay thế cụm từ "Chi cục trưởng Chi cục Hải quan" thành "Đội trưởng Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu" tại khoản 4 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 90.

7. Thay thế cụm từ "Cục Điều tra chống buôn lậu" thành "Chi cục Điều tra chống buôn lậu" tại khoản 1 Điều 90.

8. Thay thế cụm từ "Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan" thành "Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Cục Hải quan" tại khoản 1 Điều 90.

9. Bỏ cụm từ "và Hải đội trưởng Hải đội Kiểm soát trên biển" tại khoản 1 Điều 90.

10. Bỏ cụm từ "kho bảo thuế" tại điểm đ khoản 3 Điều 22.

11. Bỏ cụm từ "thanh tra" tại khoản 8 Điều 99.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày .. tháng …. năm 2027 trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc…. …được thực hiện từ….

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với kho bảo thuế đã được thành lập và hoạt động trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì tiếp tục được hoạt động trong vòng 01 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Hết thời hạn nêu trên, trường hợp tiếp tục nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất xuất khẩu, tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Mục 4 Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI